TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THẤT** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/KDTM-ST
Ngày: 02/8/2019;
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khuất Thị Khuyên;

Ông Đặng Văn Tần;

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện T;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà*:** Ông Phùng Văn Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2018/TLST- KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 7 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB);

Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt), 2 Tòa nhà Sailing Tower số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đại Dương, sinh năm 1972 - Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB);

(Giấy ủy quyền số: 3..0542.19 ngày 27 tháng 02 năm 2019) Có mặt;

2.*Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1983; vắng mặt;
Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985; có mặt;
Nơi cư trú: Thôn Đông, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội.

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị S , sinh năm 1954; vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn Đ , sinh năm 1990; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Đì , xã H , huyện T t, TP. H .

- Bà Nguyễn Thị Luyện, sinh năm 1977; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Ba Mát, xã H, huyện T, TP. Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị Thành, sinh năm 1980; vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị Lập, sinh năm 1983; có mặt;

Nơi cư trú: Xóm Ba Toa, xã H, huyện T, TP. Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị Th là người đại diện theo ủy quyền của bà S theo giấy ủy quyền ngày 17/4/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày*:**

Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là VIB) và vợ chồng ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị Th có ký kết hợp đồng tín dụng số 115/HDTD1-VIB057/11 ngày 05/12/2011, số tiền vay là 500.000.000đ (Năm trăm nghìn đồng); số tiền đã giải ngân là 500.000.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo Khế ước nhận nợ số 115/KUNN1-VIB057/11 ngày 05/12/2011; thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 05/12/2011; lãi suất cho vay 23,5%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VNĐ kỳ hạn 01 tháng của VIB + lãi biên 4,5%/năm. Lãi biên và biên độ sinh lời chịu sự điều chỉnh theo đúng chính sách của VIB tại từng thời kỳ. Kỳ điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ và cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo đúng chính sách của VIB tại từng thời kỳ; mục đích Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh các mặt hàng được chế biến từ gỗ; phương thức trả nợ: Trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả nợ lãi từ ngày10 đến ngày 15 hàng tháng, nếu đến hết ngày 15 hàng tháng bên vay không trả hết số nợ lãi thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn của VIB tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngày trả nợ lãi đầu tiên là ngày 15/01/2012.

Để bảo đảm cho khoản vay của ông Q, bà Th, ông Nguyễn Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Sửu đã thế chấp tài sản của mình là: Quyền sử dụng 74,7m^2 đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 380, tờ bản đồ số 11tại địa chỉ: Thôn Đình, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH788374, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00756/QSDĐ/2315/QĐ-UB do UBND huyện T cấp ngày 16/11/2007 cho ông Nguyễn Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Sửu).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th đã trả: gốc 73 đồng, lãi 50.147.968 đồng. Tổng đã trả là 50.148.041đồng. Do ông Q, bà Th vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng nên khoản vay trên đã bị chuyển quá hạn từ ngày 15/6/2012.

Dư nợ tính đến ngày 31/7/2019 của ông Q, bà Th còn nợ VIB số tiền gồm: Nợ gốc: 499.999.027đồng, nợ lãi trong hạn:47.525.643 đồng, lãi quá hạn: 962.667556 đồng. Tổng nợ 1.510.192.222 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam (VIB) yêu cầu ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th thanh toán toàn bộ số nợ trên cho VIB.

Ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th phải tiếp tục trả lãi cho VIB các khoản lãi, lãi phạt quá hạn phát sinh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký và theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/8/2019 cho đến ngày ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th thanh toán toàn bộ khoản vay.

Trường hợp ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th không trả hết nợ thì đề nghị Tòa án tuyên VIB được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại khối tài sản bảo đảm cho khoản vay của Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th tại VIB để thu hồi toàn bộ khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp toàn bộ khối tài sản thế chấp sau khi xử lý phát mại mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng VIB thì ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho VIB.

Về án phí: Ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn là ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Ngày 05/12/2011, ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị Th và ngân hàng VIB có ký kết Hợp đồng tín dụng số 115/HDTD1-VIB057/11, với số tiền vay là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), số tiền Ngân hàng đã giải ngân là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).Về nội dung của Hợp đồng như nguyên đơn trình bày là đúng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Q, bà Th, ông Nguyễn Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Sửu đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng 74,7m^2 đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 380, tờ bản đồ số 11tại địa chỉ: Thôn Đình, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH788374, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00756/QSDĐ/2315/QĐ-UB do UBND huyện T cấp ngày 16/11/2007 cho ông Nguyễn Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Sửu).

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Q, bà Th đã trả được một phần nợ lãi. Do kinh tế suy thoái, làm ăn kinh doanh thua lỗ nên ông Q, bà Th không có tiền để tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Nay ông Q, bà Th thừa nhận số tiền nợ tính đến ngày 31/7/2019 là: 499.999.027đồng, nợ lãi trong hạn:47.525.643 đồng, lãi quá hạn: 962.667.556 đồng. Tổng nợ 1.510.192.222 đồng.

Về lãi suất Ngân hàng đã điều chỉnh lãi suất theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký nên nay về số tiền gốc và tiền lãi trong hạn, quá hạn Ngân hàng yêu cầu, ông Q, bà Th không có ý kiến gì. Ông Q, bà Th đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

Án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Sửu, Nguyễn Thị Lập và Nguyễn Thị Luyện trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 380, tờ bản đồ số 11, diện tích 74,7m^2 tại địa chỉ Thôn Đình, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội là của ông Nguyễn Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Sửu. Năm 2011, ông Nguyễn Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Sửu có thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng thửa đất số Quyền sử dụng 74,7m^2 đất

và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 380, tờ bản đồ số 11, tại địa chỉ: Thôn Đình, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội, để bảo lãnh cho khoản vay của ông Q, bà Th. Quá trình làm ăn do bị thua lỗ nên ông Q, bà Th không trả nợ được cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện vợ chồng anh Q, chị Th, bà Sửu, bà Lập, bà Luyện đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình được rút tài sản thế chấp. Ông Q, bà Th là người vay tiền thì phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Ông Nguyễn Văn Ngọc đã chết năm 2013; ông Ngọc và bà Sửu có 5 người con gồm: Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Lập, Nguyễn Văn Đoàn, Nguyễn Thị Luyện và Nguyễn Thị Thành. Hiện đều ở xã H, huyện T, thành phố Hà Nội.

Hiện trên đất thế chấp co bà Nguyễn Thị Sửu và anh Nguyễn Văn Đoàn đang quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thành, ông Nguyễn Văn Đoàn đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và không tham gia tố tụng.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

-Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứa hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị Th và Ngân hàng VIB có giao kết Hợp đồng tín dụng. Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Q, bà Th vay số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Quá trình thực hiện Hợp đồng ông Q, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do vậy nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q, bà Th trả nợ là có căn cứ.

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do Ngân hàng cung cấp thì ông Ngọc, bà Sửu đã thế chấp tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay của ông Q, bà Th, việc thế chấp được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 343, 351, 355, 422, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VIB.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngân hàng VIB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị Th trả nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, hiện ông Q, bà Th đang cư trú tại thôn Đông, xã H, huyện T. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn đang cư trú tại huyện T. Căn cứ Khoản 1 Điều 30 và Điểm b Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng pháp luật.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]*Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng*:

[2.1]. *Về yêu cầu trả nợ*: Tại Hợp đồng tín số 115/HDTD1-VIB057/11 ngày 05/12/2011 ông Q, bà Th thỏa thuận vay của Ngân hàng VIB với số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất 23,5%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VNĐ kỳ hạn 01 tháng của VIB + lãi biên 4,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Theo Khế ước nhận nợ số Khế ước nhận nợ số 115/KUNN1-VIB057/11 ngày 05/12/2011; thì Ngân hàng VIB đã giải ngân cho ông Q, bà Th vay số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 05/12/2011.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng được lập thành văn bản, mục đích và nội dung các thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức, có hình thức và nội dung phù hợp với quy tại Điều 122, Điều 124 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hợp đồng có hiệu lực thi hành.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Ngân hàng VIB đã giải ngân theo đúng quy định của Hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ thì bên vay cam kết thực hiện nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc và nghĩa vụ trả lãi; theo đó trả gốc vào cuối kỳ. Trả nợ lãi theo dư nợ thực tế, trả là từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo thỏa thuận thì từ 10 đến ngày 15 hàng tháng ông Q, bà Th phải trả Ngân hàng VIB số tiền lãi. Tuy nhiên, hết thời hạn vay ông Q, bà Th không trả nợ cho Ngân hàng VIB là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Vậy nay, Ngân hàng VIB yêu cầu ông Q, bà Th trả nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Theo Hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo đó lãi suất trong hạn là 23.5%/năm. Việc ông Q, bà Th không trả nợ theo đúng cam kết nên bị áp dụng chế tài phạt do vi phạm thời hạn trả nợ gốc, lãi là có căn cứ, đúng với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo bảng tính lãi ngày 31/7/2019 do Ngân hàng cung cấp thì số tiền lãi trong hạn tính đến ngày 14/6/2012 là 47.525.643đồng theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Kể từ ngày 15/6/2012 ông Q, bà Th không trả gốc và lãi, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn trên số dư nợ gốc của ông Q, bà Th. Tại thời điểm quá hạn (15/6/2012) dư nợ gốc là 499.999.023 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn không trăm hai mươi ba đồng) thì số tiền lãi quá hạn trên tổng số dư nợ gốc kể từ ngày 15/6/2012 đến ngày 31/7/2019 là: 962.667.556 đồng phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng VIB về khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn.

Như vậy, tính đến ngày 31/8/2019 ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th còn nợ Ngân hàng VIB số tiền như sau: Nợ gốc 499.999.023đồng; lãi trong hạn 47.525.643đồng;lãi quá hạn: 962.667.556 đồng. Tổng nợ: 1.510.192.222đồng (Một tỷ năm trăm mười triệu một trăm chín mươi hai nghìn hai trưm hai mươi hai đồng).

Đối với yêu cầu của Ngân hàng VIB về lãi quá hạn phát sinh từ ngày 02/8/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ: Yêu cầu này của Ngân hàng VIB là phù hợp với quy định của pháp luật và Hợp đồng tín dụng các bên đã ký. Quá trình giải quyết vụ án giữa Ngân hàng và ông Q, bà Th không có thỏa thuận về lãi suất phát sinh. Do vậy, căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, buộc ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ chưa trả cho Ngân hàng VIB kể từ ngày 02/8/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số 115/HDTD1-VIB057/11 ngày 05/12/2011.

[2.2]. *Về yêu cầu kê biên phát mại tài sản*: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 4194/2010 quyển số 09 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 30/11/2010 tại Văn phòng công chứng Hà Đông, thành phố Hà Nội; ông Nguyễn Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Sửu đã thế chấp tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình cho Ngân hàng VIB để bảo lãnh cho khoản vay của ông Q, bà Th. Trước khi ký hợp đồng thế chấp, các bên đã tiến hành các thủ tục xác nhận, thẩm định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật, Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản có công chứng và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T theo quy định tại Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực thi hành.

Tại Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận, trong trường hợp ông Q, bà Th không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó, Ngân hàng VIB yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông Q, bà Th không trả nợ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2005 và thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp nên được chấp nhận.

Trong trường hợp pháp mại tài sản thì chủ sở hữu và những người đang quản lý, sử dụng tài sản thế chấp phải bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng hoặc Cơ quan Thi hành án để xử lý theo quy định của pháp luật.

[3] *Về án phí:* Ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 57.305.800 đồng (Năm mươi bảy triệu ba trăm không năm nghìn tám trăm đồng).

Hoàn trả Ngân hàng VIB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **27.163.000đ (**Hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 122, 124, 343, 351, 355, 422, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Căn cứ : Điều 26, 35, 39, 95; Điều 146; Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam (VIB) đối với ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th.

2. Buộc ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 115/HDTD1-VIB057/11 ngày 05/12/2011, tính đến ngày 01/8/2019 là :

Nợ gốc:	499.999.023 đồng;
Nợ lãi trong hạn:	47.525.643đồng;
Nợ lãi quá hạn:	962.667.556 đồng;
Tổng:	1.510.192.222đồng;

Bằng chữ: Một tỷ năm trăm mười triệu một trăm chín mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng.

3. Ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th tiếp tục phải trả lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam trên số dư nợ chưa thanh toán theo lãi suất quá hạn quy định trong Hợp đồng tín dụng số 115/HDTD1-VIB057/11 ngày 05/12/2011, kể từ ngày 01/8/2019 cho đến khi trả hết nợ.

4. Trong trường hợp ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th không trả nợ được thì Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng 74,7m^2 đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 380, tờ bản đồ số 11tại địa chỉ: Thôn Đình, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH788374, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00756/QSDĐ/2315/QĐ-UB do UBND huyện T cấp ngày 16/11/2007 cho ông Nguyễn Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Sửu).

Trong trường hợp pháp mại tài sản thì chủ sở hữu và những người đang quản lý, sử dụng tài sản thế chấp phải bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng hoặc Cơ quan Thi hành án để xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp toàn bộ khối tài sản thế chấp sau khi xử lý phát mại mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng VIB thì ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng VIB cho đến khi tất toán khoản vay.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

6. Về án phí: Ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 57.305.800 đồng (Năm mươi bảy triệu ba trăm không năm nghìn tám trăm đồng).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: **27.163.000đ (**Hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Theo biên lai thu số AB/2014/06563 ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKS ND huyện T;
- Chi cục thi hành án DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Thủy